TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **42**/2018/HSST
Ngày: 11 - 6 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thành Liêm
Các hội thẩm nhân dân 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quang Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/TLST-HS ngày 29/5/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 49/2018/QĐXXST-HS ngày 31/5/2018 đối với bị cáo:

Lê Thị M, sinh ngày 08/3/1981 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: tổ a, ấp b, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lê Thị K (đã chết), cha không rõ nhân thân; Bị cáo có chồng tên Đỗ Huy H; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp h, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2017, Lê Thị M làm thuê giúp việc, dọn dẹp vệ sinh tại nhà chị Nguyễn Thị L thuộc ấp a, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khoảng 07 giờ

ngày 26/9/2017, M đi vào phòng ngủ của chị L gấp quần ảo vào tủ theo yêu cầu của chị L, khi bỏ quần áo vào tủ thì đầu của M đụng vào 01 áo khoác màu hồng treo trong tủ làm rơi 01 hộp nhựa. Thấy vậy M liền cầm hộp nhựa lên và mở ra thì thấy bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng nên M bỏ vào túi quần và tiếp tục làm việc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày M một mình đi bộ đến tiệm vàng K thuộc ấp g, xã T, huyện H bán sợi dây chuyền với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), toàn bộ số tiền trên M đã tiêu xài hết. Đến ngày 27/9/2017 chị L phát hiện bị mất sợi dây chuyền nên đã báo Công an, cơ quan Công an đã triệu tập M lên làm việc, trong quá trình làm việc M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 22/CTr-VKS ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Thị M mức án 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Bị cáo tranh luận: bị cáo Mai không tranh luận

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo hứa sẽ không tái phạm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Lê Thị M là người giúp việc của gia đình chị Nguyễn Thị L. Khoảng 07 giờ ngày 26/9/2017 khi M đang dọn dẹp ở tủ đồ thấy có 01 hộp nhựa rơi ra từ chiếc áo khoác màu hồng, Mai mở hộp ra thì phát hiện có 01 sợi dây chuyền vàng, do không có người nên M đã bỏ hộp có sợi dây chuyền bỏ vào túi quần. Đến khoảng 12 giờ

cùng ngày M đã mang sợi dây chuyền đến tiệm vàng M bán được 2.000.000đ, toàn bộ số tiền M đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 637/KL-HĐĐGTTTHS ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá xác định: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có trọng lượng 01 chỉ 24 phân, loại vàng 18 kara, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 3.175.640đ (ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Lợi dụng bị hại đang không có mặt trong phòng, khi phát hiện trong hộp nhựa có sợi dây chuyền vàng bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Căn cứ kết luận định giá thì tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.175.640đ (ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng), hành vi của bị cáo củ đủ dấu hiệu của tội Trộm cắp tài sản.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Lê Thị M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị L vào tháng 9/2017. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 thể hiện : "Tất cả các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01năm 2018". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản truy tố bị cáo Lê Thị M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa chính xác, Hội đồng xét xử cần áp dụng Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử và áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bà Nguyễn Thị M- chủ tiệm vàng K: Khi mua vàng của bị cáo Lê Thị M, bà M không biết nguồn gốc vàng có do bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức được hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra. Bị cáo hiện đang trong độ tuổi lao động và có thể tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp với sức khỏe và năng lực của bản thân để tạo ra nguồn thu nhập, nhưng khi thấy tài sản của bị hại bị cáo đã nảy sinh và thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000đ; bị hại cũng có đơn bãi nại nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p, g, b khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; từ khi khởi tố vụ án đến nay bị cáo được tại ngoại và không vi phạm pháp luật, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo mà giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục và cải tạo cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa bản thân và chăm sóc con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

- 01 áo khoác màu hồng là tài sản hợp pháp của chị L trên cần trả lại cho chị L.

- 01 hộp nhựa màu hồng cam, mặt trên có dòng chữ "Vàng bạc đá quý", kích thước 8,5cm x 4cm là tài sản hợp pháp của chị L, do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại xác nhận đã nhận 3.000.000đ tiền bồi thường từ gia đình bị cáo M và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Đỗ Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã bồi thường cho chị L số tiền 3.000.000đ thay cho bị cáo. Tại phiên tòa, ông T không có yêu cầu gì đối với bị cáo M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh**:** Tuyên bố bị cáo Lê Thị M phạm: "Tội trộm cắp tài sản".

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p, g, b khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị Mai về UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy 01 hộp nhựa màu hồng cam, mặt trên có dòng chữ "Vàng bạc đá quý", kích thước 8,5cm x 4cm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 áo khoác màu hồng nhãn hiệu BEI.TE, sixe XXXL.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS-HQ ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lê Thị M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thành Liêm